TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2024/HNGĐ–ST
Ngày: 01/4/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Bà Cao Thị Én

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh ngày 16/01/1988.

Nơi cư trú: A10-5 Chung cư T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 308 – lô B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. *(Số điện thoại: 0948383877)*

- *Bị đơn:* Anh **DINH DRAKE H**, sinh ngày 21/8/1988.

Nơi cư trú: 9427 Minute Men C, L, K, USA.

(*Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày*:**

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh DINH DRAKE H qua sự giới thiệu của người quen, sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 234/2019.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn được 03 tháng anh DINH DRAKE H trở về Hoa Kỳ để sinh sống, làm việc và làm thủ tục bảo lãnh cho chị N qua Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên đến đầu năm 2020 do dịch bệnh C bùng phát nên chị N không thể qua Hoa Kỳ được. Đến nay qua trao đổi với nhau, anh DINH DRAKE H thông báo sẽ không trở về Việt Nam nữa và chị cũng không có ý định qua Hoa Kỳ định cư, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ít liên hệ với nhau. Hai bên thống nhất sẽ ly hôn để mỗi người có thể xây dựng cuộc sống mới. Nay cảm thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh DINH DRAKE H .

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai bị đơn anh DINH DRAKE H trình bày:

Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim N. Anh đồng ý ly hôn với chị N. Do điều kiện ở xa anh không thể đến Tòa án tham gia tố tụng được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Anh xác định về con chung; tài sản chung; nợ chung anh và chị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

**** Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng chị Nguyễn Thị Kim N và anh DINH DRAKE H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại các bản tự khai Chị Nguyễn Thị Kim N và anh DINH DRAKE H đều thừa nhận thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn anh DINH DRAKE H trở về Hoa Kỳ để sinh sống hai bên vẫn giữ liên hệ qua điện thoại.

Nhưng đến năm 2020, do dịch bệnh C kéo dài cả hai ít liên lạc, sau đó đã cắt đứt liên hệ với nhau. Nay cảm thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N xin được ly hôn với anh DINH DRAKE H. anh DINH DRAKE H cũng đồng ý ly hôn. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N.

+ Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không xem xét.

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 121, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh DINH DRAKE H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ theo đúng quy định. Anh DINH DRAKE H cũng đã gửi cho Tòa án các tài liệu, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt được chứng thực theo Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N xét thấy:

Chị Nguyễn Thị Kim N và anh DINH DRAKE H qua sự giới thiệu của người quen, sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 09/8/2019 được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 234/2019.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau khi kết hôn được 03 tháng anh DINH DRAKE H trở về Hoa Kỳ để sinh sống, làm việc và làm thủ tục bảo lãnh cho chị N qua Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020 do dịch bệnh C bùng phát nên chị N không thể qua Hoa Kỳ được. Đến nay qua trao đổi với nhau anh DINH DRAKE H thông báo sẽ không trở về Việt Nam nữa và

chị N cũng không có ý định qua Hoa Kỳ định cư, từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ít liên hệ với nhau. Nay cả hai đều thống nhất ly hôn do khả năng đoàn tụ không còn. Tòa án đã tống đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử. anh DINH DRAKE H cũng đã gửi cho Tòa án các tài liệu, văn bản trình bày ý kiến, đơn xin xét xử vắng mặt. anh DINH DRAKE H thống nhất với lời trình bày của chị N và đồng ý ly hôn với chị N.

Nhận thấy, đơn xin ly hôn của chị N có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung : Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 464, 474, 476, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn" của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh DINH DRAKE H.

2. Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4 Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0002441 ngày 13/11/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị N đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ, anh DINH DRAKE H được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Hương